TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Mc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 02 – 2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đạm và bà Hoàng Hải Yến.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 647/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Võ Thị T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Kiệt 14 XH, phường V, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Đoàn Vũ Trường P**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 10/41 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/7/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đoàn Vũ Trường P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2000.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh Mc một thời gian dài và có 03 con chung. Từ năm 2020, ông P ham chơi, không tập trung làm ăn, không quan tâm, chăm sóc và không có trách nhiệm trong việc nuôi con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2022. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông P để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2022, bị đơn ông Đoàn Vũ Trường P trình bày: Về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn và quá trình mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Do tôi làm ăn thua lỗ, nợ nhiều người nên phải đi trốn nợ, không có tiền để cùng vợ chăm lo cho con được. Tôi biết sai và cố gắng sửa

chữa, tập trung làm ăn để cùng vợ chăm sóc con cái. Việc bà T xin ly hôn thì tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Đoàn Ngọc B, sinh năm 2000; Đoàn Như Q, sinh năm 2002 và Đoàn Vũ Thiên M, sinh ngày 25/10/2014. Anh B, chị Q hiện đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết. Cháu M hiện đang ở với bà T. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M đến khi trưởng thành; không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Còn ông P không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề về nuôi con và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022, cháu Đoàn Vũ Thiên M trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Võ Thị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P vẫn không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà T vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông P không đến, bà T làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng và tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông P. Tất cả kết quả đều cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống hạnh Mc với nhau thêm được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau: đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo luật định; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc gửi thông báo thụ lý vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thư ký Tòa án: Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn

vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chúng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Đoàn Vũ Trường P.

- Về con chung: Hai cháu Đoàn Ngọc B, sinh năm 2000 và Đoàn Như Q, sinh năm 2002 hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Đoàn Vũ Thiên M, sinh ngày 25/10/2014 có nguyện vong ở với mẹ, sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, giao cháu Thiên M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Vũ Trường P và tranh chấp về nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ 02 lần nhưng ông Đoàn Vũ Trường P không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2000. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên bà T xin ly hôn với ông P. Phía ông P tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét hiện nay, bà T và ông P mỗi người sống một nơi, khả năng vợ chồng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc là rất khó. Qua lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ chứng cứ để xác định hôn

nhân của bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Đoàn Ngọc B, sinh năm 2000; Đoàn Như Q, sinh năm 2002 và Đoàn Vũ Thiên M, sinh ngày 25/10/2014. Anh B, chị Q hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M đến khi trưởng thành; không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Ông P không đặt ra vấn đề nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 01/11/2022, cháu Đoàn Vũ Thiên M có nguyện vọng được ở với bà T. Xét nguyện vọng của bà T và cháu M là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Đoàn Vũ Trường P kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P có 03 con chung tên là Đoàn Ngọc B, sinh năm 2000; Đoàn Như Q, sinh năm 2002 và Đoàn Vũ Thiên M, sinh ngày 25/10/2014. Anh B, chị Q hiện đã trưởng thành. Xử: Giao cháu Đoàn Vũ Thiên M, sinh ngày 25/10/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị T và ông Đoàn Vũ Trường P đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0004497 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T; bà T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường P, Tp H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Hồng